

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX**

*(Sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số
01/2024/GE/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/03/2024)*

Hà Nội, Ngày 27 tháng 03/2024



MỤC LỤC

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	5
Điều 1: Ý nghĩa, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	5
Điều 2: Bộ máy quản trị điều hành của Công Ty	5
Điều 3: Nguyên tắc quản trị Công Ty	5
Điều 4: Định nghĩa và các từ viết tắt	5
CHƯƠNG II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	6
Mục 1. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	6
Mục 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 6. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 7. Thông báo về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 8. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 9. Chương trình và nội dung Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 11. Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền	11
Điều 12. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 13. Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 14. Điều kiện để Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.	14
Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 16. Áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại trong việc tham dự và phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 17. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 18. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	17
Mục 3. Trình tự, thủ tục thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	18
bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	18
Điều 19. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	18
Mục 4. Trình tự và thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua	20
nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.....	20
Điều 20. Giải thích thuật ngữ liên quan	20
Điều 21. Tổ chức Đại hội trực tuyến.....	21
Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự Đại hội trực tuyến	21
Điều 23. Xác nhận tư cách cổ đông, tham dự, thảo luận tại Đại hội trực tuyến.....	22
Điều 24. Bỏ phiếu điện tử.....	22

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
Mục 1. Quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	23
Điều 25. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	23
Điều 26. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	23
Mục 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 27. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 28. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 29. Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 30. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 32. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 33. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 34. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	27
Mục 3. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 35. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	28
Mục 4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	28
Điều 36. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	28
Điều 37. Thường trực HĐQT	33
Mục 5 Người phụ trách quản trị công ty.....	35
Điều 38. Người phụ trách quản trị công ty.....	35
CHƯƠNG IV THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	36
Điều 39. Thành lập và hoạt động của tiểu ban Hội đồng quản trị	36
CHƯƠNG V BAN KIỂM SOÁT.....	36
Điều 40. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	36
Điều 41. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát.....	36
CHƯƠNG VI LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP.....	39
Điều 42. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:.....	39
Điều 43. Các tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác	40
Điều 44. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác	40
Điều 45. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc	41
Điều 46. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp	41
CHƯƠNG VII PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC.....	41

Điều 47. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc trong vấn đề triệu tập họp, thông báo kết quả họp/ng nghị quyết, xin ý kiến	41
Điều 48. Các trường hợp Tổng giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị.....	43
Điều 49. Báo cáo, kiểm điểm của Tổng Giám đốc	43
Điều 50. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên	44
CHƯƠNG VIII ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	44
Điều 51. Cơ chế đánh giá hoạt động đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác	44
Điều 52. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác	44
Điều 53. Khen thưởng	45
Điều 54. Xử lý vi phạm và kỷ luật.....	45
CHƯƠNG IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	46
Điều 55. Sửa đổi, bổ sung Quy chế.....	46
Điều 56. Hiệu lực	46

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Ý nghĩa, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty Cổ Phần Điện Lực Gelex (“**Công Ty**”) được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 cùng các văn bản, sửa đổi, hướng dẫn liên quan; Luật Chứng khoán năm 2019 cùng các văn bản hướng dẫn liên quan; Điều lệ Công Ty và vận dụng những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị công ty phù hợp với điều kiện của Việt Nam, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của Công Ty và góp phần lành mạnh hoá nền kinh tế.
2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người điều hành khác.
3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công Ty.
4. Quy chế này được áp dụng cho toàn bộ các cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cá nhân, tập thể có liên quan trong Công Ty.

Điều 2: Bộ máy quản trị điều hành của Công Ty

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát
4. Tổng Giám đốc.

Điều 3: Nguyên tắc quản trị Công Ty

1. Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả.
2. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông.
3. Đối xử công bằng giữa các cổ đông.
4. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công Ty.
5. Minh bạch trong hoạt động của Công Ty.
6. Hội đồng quản trị lãnh đạo Công Ty có hiệu quả.
7. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4: Định nghĩa và các từ viết tắt

1. Định nghĩa
 - a. Ban Tổng giám đốc: Bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc

- b. Ban Điều hành: Bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
 - c. Người có liên quan: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán
 - d. Điều lệ: là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty.
 - e. Các từ ngữ khác chưa được giải thích ở đây sẽ có nghĩa như quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật liên quan.
2. Các từ viết tắt
- a. ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông.
 - b. HĐQT : Hội đồng quản trị.
 - c. TGDĐ : Tổng giám đốc.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Mục 1. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công Ty. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị Công Ty quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng Cổ đông có thể họp bất thường.
- 2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công Ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công Ty,
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công Ty và cổ đông Công Ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công Ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ.
3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;
 - b. Báo cáo tài chính năm;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
 - e. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công Ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - f. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
 - g. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - h. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo Điều lệ Công Ty và quy định pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công Ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công Ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán

được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công Ty.

Mục 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 6. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;
 - b. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.
 - c. Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 28.2 Điều lệ yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu/chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp/số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty; căn cứ, lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.
3. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 2 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty. Riêng đối với trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty.
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này có quyền đại diện Công Ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.
- d. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp; Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; Lập chương trình và nội dung cuộc họp; Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp; Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; Xác định thời gian và địa điểm họp; Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Công việc khác phục vụ cuộc họp.
- e. Tất cả chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công Ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 7. Thông báo về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Công Ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, và đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty và công bố thông tin đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

Điều 9. Chương trình và nội dung Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội và các công việc khác theo quy định tại Điều 34 Điều lệ Công Ty.
2. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông bằng phương thức đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty, và công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp, cách thức tải tài liệu để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- Phiếu biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp (nếu có);
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Trước ngày diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông có thể xác nhận việc trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền tham dự Đại hội về Công Ty (theo mẫu (nếu có) gửi kèm thông báo mời họp hoặc đăng tải trên website của Công Ty) theo thời hạn và phương thức, địa chỉ gửi được nêu cụ thể tại thông báo mời họp.
2. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công Ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 11. Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền

1. Các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều lệ Công Ty.
Trường hợp cổ đông cử nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Số lượng người được ủy quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông của mỗi cổ đông tuân theo quy định tại Điều lệ Công Ty và quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo mẫu của Công ty hoặc theo quy định của

pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, nội dung ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền, bên được ủy quyền và đóng dấu nếu là tổ chức (nếu có con dấu).

3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm bản gốc hoặc bản sao hợp lệ văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.

Điều 12. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai. Trong trường hợp này, Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 37 Điều lệ Công Ty.

Điều 13. Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công Ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết tờ thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông/đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Phiếu biểu quyết có thể được mã hóa để phục vụ cho việc kiểm phiếu bằng phần mềm máy tính. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được

thu/giờ thẻ trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu/giờ thẻ tiếp theo, số thẻ không có ý kiến được thu/giờ thẻ sau cùng. Cuối cùng đếm tổng số phiếu hợp lệ hay không hợp lệ, số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến để quyết định.

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
 - e. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
 - g. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.
3. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Trưởng Ban Kiểm Phiếu công bố trước khi bế mạc cuộc họp.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

- a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
5. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
 - c. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết
Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;
6. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Điều 13.5 nói trên, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

Điều 14. Điều kiện để Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3, Khoản 4 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.
2. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên cần bầu của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát và cổ đông đó có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu theo quy định tại Điều lệ Công Ty. Trường hợp có hai (02) ứng cử viên trở lên đạt

cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công Ty.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty; dự án đầu tư, bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty tính theo Báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.
4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số phiếu biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông phản đối việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ thì đánh dấu (“V” hoặc “X”) vào ô biểu quyết “Không tán thành” trên thẻ biểu quyết.
2. Khi Chủ tọa có hiệu lệnh thu thẻ biểu quyết không tán thành việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông thì cổ đông chuyển thẻ biểu quyết đã đánh dấu hợp lệ cho người thu phiếu.
3. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quyền yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công Ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công Ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

4. Công Ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công Ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Các chi phí phát sinh có liên quan đến việc thuê tổ chức thẩm định giá như nêu trên do cổ đông thanh toán.
5. Công Ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công Ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

Điều 16. Áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại trong việc tham dự và phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông

1. Công Ty có thể áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tham dự, phát biểu và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Tùy nhu cầu và tình hình cụ thể, Hội đồng quản trị có quyền tổ chức triển khai việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại (như hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác...) để cổ đông có thể tham dự, phát biểu và biểu quyết tại mỗi kỳ họp Đại hội đồng cổ đông. Việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại như vậy phải được thông báo tới các cổ đông trước kỳ họp bằng cách đăng tải thông báo và hướng dẫn áp dụng trên trang thông tin điện tử của Công Ty.
3. Việc họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử tuân theo quy định tại Mục 4 Chương II Quy chế này.

Điều 17. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

- 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 18. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Công Ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty.

**Mục 3. Trình tự, thủ tục thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

Điều 19. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền thông qua mọi quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trừ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc vấn đề sau đây:
 - a. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - b. Tổ chức lại, giải thể Công Ty.
2. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:
 - a. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều này.
 - b. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 ngày trước ngày hết hạn nhận lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều lệ và Luật Doanh nghiệp.
 - c. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - ✓ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - ✓ Mục đích lấy ý kiến;
 - ✓ Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc số giấy tờ pháp lý khác của cá nhân đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - ✓ Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- ✓ Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - ✓ Thời hạn phải gửi về Công Ty hoặc ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - ✓ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công Ty.
- d. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức và được đóng dấu của tổ chức đó (nếu tổ chức có con dấu).
- e. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công Ty theo các hình thức sau:
- ✓ Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - ✓ Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- f. Các phiếu lấy ý kiến Công Ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- g. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người nắm giữ chức vụ quản lý. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- ✓ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - ✓ Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - ✓ Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - ✓ Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - ✓ Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - ✓ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu;

liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- h. Biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty.
- i. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
- j. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Mục 4. Trình tự và thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử

Điều 20. Giải thích thuật ngữ liên quan

- 1. Phương tiện điện tử là phương tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ tương tự.
- 2. Đại hội trực tuyến là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.
- 3. Đại hội truyền thống là hình thức tổ chức cuộc họp tại duy nhất một địa điểm, cổ đông tham dự, thảo luận và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
- 4. Bỏ phiếu điện tử là việc cổ đông thực hiện biểu quyết thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- 5. Tài khoản truy cập là những thông tin cần thiết như tên đăng nhập, mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác của mỗi cổ đông, được sử dụng để đăng nhập/truy cập tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.

6. Hệ thống là tổng hợp các cơ sở hạ tầng kỹ thuật để tổ chức, vận hành chương trình Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.

Điều 21. Tổ chức Đại hội trực tuyến

1. Căn cứ theo tình hình thực tế, Hội đồng Quản trị quyết định triệu tập đại hội theo hình thức Đại hội trực tuyến hoặc Đại hội trực tuyến kết hợp với hình thức tổ chức Đại hội truyền thống theo quy định tại Điều lệ Công Ty. Trường hợp tổ chức đại hội có hình thức trực tuyến, Hội đồng quản trị được chủ động triển khai các thủ tục, công việc để phục vụ cho việc tổ chức trực tuyến.
2. Việc triệu tập họp Đại hội trực tuyến, lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, gửi thư mời họp, công bố thông tin, gửi tài liệu họp, điều kiện tiến hành Đại hội, điều kiện thông qua nghị quyết Đại hội, lập Biên bản họp Đại hội vẫn tuân thủ theo như các quy định về tổ chức Đại hội truyền thống.
3. Căn cứ theo cách thức tổ chức Đại hội trực tuyến cụ thể, Ban tổ chức đại hội gửi nội dung hướng dẫn cách thức đăng ký và/hoặc xác nhận tư cách cổ đông đến cổ đông và/hoặc đăng tải nội dung hướng dẫn chung trên trang thông tin điện tử của Công Ty.
4. Hội đồng Quản trị được quyền ban hành các hướng dẫn/quy định cần thiết phục vụ cho công tác tổ chức Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử phù hợp với yêu cầu của đơn vị cung cấp dịch vụ trực tuyến khi tổ chức Đại hội.
5. Đại hội sẽ thông qua quy chế họp Đại hội trực tuyến/quy chế làm việc tại Đại hội trực tuyến phù hợp tại mỗi lần Đại hội trực tuyến nếu cần thiết.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự Đại hội trực tuyến

1. Cổ đông phải tuân thủ các hướng dẫn liên quan đến công tác tổ chức Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử nhằm đảm bảo cho việc tổ chức Đại hội trực tuyến được diễn ra một cách có trật tự, ổn định, hợp lệ.
2. Cổ đông phải chuẩn bị và sử dụng thiết bị họp trực tuyến phù hợp, có kết nối internet để đảm bảo theo dõi được diễn biến của Đại hội trực tuyến.
3. Mọi kết quả bỏ phiếu điện tử của cổ đông được xem là ý chí của cổ đông. Việc tham dự tại Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu thông qua phương thức điện tử có giá trị như việc tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội truyền thống.
4. Cổ đông được sử dụng Tài khoản truy cập do Công ty cấp/thông báo/hướng dẫn hoặc thực hiện các phương thức đăng ký, xác thực khác theo hướng dẫn của Công

ty để đăng nhập vào Hệ thống, tham gia Đại hội trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử cho tất cả các đợt biểu quyết của đại hội. Cổ đông phải chịu trách nhiệm và không được quyền khiếu nại khi cổ đông thoát khỏi Hệ thống vì bất kỳ lý do gì hoặc để người khác sử dụng Tài khoản truy cập hoặc các thông tin dùng để xác thực cổ đông của mình truy cập vào Hệ thống trong suốt thời gian diễn ra đại hội.

5. Cổ đông có trách nhiệm bảo mật Tài khoản truy cập và/hoặc các yếu tố định danh khác để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến, bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống. Trường hợp cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cho cá nhân/tổ chức khác thì cổ đông và người được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo phương thức truy cập đã được cấp.
6. Cổ đông chịu trách nhiệm khi cố ý sử dụng công nghệ để gây gián đoạn cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc thay đổi kết quả bỏ phiếu điện tử.
7. Trường hợp cổ đông sau khi đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không thể tham dự liên tục đến hết chương trình thì có thể thực hiện biểu quyết đối với các nội dung cần xin ý kiến cổ đông trước khi đăng xuất khỏi Hệ thống.

Điều 23. Xác nhận tư cách cổ đông, tham dự, thảo luận tại Đại hội trực tuyến

1. Cổ đông thực hiện theo tài liệu hướng dẫn để đăng ký thông tin và xác nhận tư cách cổ đông trước khi tham dự Đại hội trực tuyến theo hướng dẫn. Ban tổ chức đại hội phải thông báo các tài liệu hướng dẫn/quy định đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và các thông tin cần thiết khác cho cổ đông trước ngày diễn ra Đại hội trực tuyến.
2. Cổ đông thực hiện thảo luận theo hướng dẫn của Chủ tọa trong quá trình diễn ra Đại hội trực tuyến.
3. Cổ đông có thể thảo luận tại Đại hội trực tuyến bằng hình thức phát biểu trực tuyến hoặc gửi ý kiến thông qua các phương thức kết nối trực tiếp theo hướng dẫn của Ban tổ chức đại hội.

Điều 24. Bỏ phiếu điện tử

1. Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử theo hướng dẫn của Công ty.
2. Ý kiến biểu quyết được Hệ thống ghi nhận ngay trước thời điểm kết thúc biểu quyết cho từng vấn đề tương ứng là ý kiến hợp lệ và được ghi nhận vào kết quả kiểm phiếu.

3. Khi điều hành đại hội, Ban chủ tọa sẽ thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên Hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình.
4. Các nội dung cụ thể liên quan đến việc bỏ phiếu điện tử tuân theo hướng dẫn của Ban tổ chức đại hội và/hoặc quy chế họp Đại hội trực tuyến/quy chế làm việc tại Đại hội trực tuyến.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1. Quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 25. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công Ty và Đại hội đồng cổ đông quy định.
2. Trừ khi pháp luật và Điều lệ Công Ty quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền/phân cấp/giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thường trực Hội đồng quản trị, các cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thực hiện quyền hạn của Hội đồng quản trị quy định tại Điều này.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 26. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định pháp luật liên quan và Điều lệ Công Ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty.
2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định pháp luật liên quan, Điều lệ Công Ty và các quy chế, quy định nội bộ khác có liên quan của Công Ty.
3. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công Ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt

động kinh doanh của Công Ty và của đơn vị trong Công Ty để phục vụ cho việc thực hiện các nhiệm vụ của mình. Việc yêu cầu cung cấp thông tin không được làm gián đoạn, ảnh hưởng đến công việc của các bộ phận, phòng ban trong Công Ty.

4. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin theo quy định tại Điều lệ Công Ty và các văn bản nội bộ khác của Công Ty.
5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị và có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các Quy chế của Công ty.
6. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều lệ này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Mục 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá năm (05) năm (cụ thể theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông) và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Trường hợp có bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào kết thúc nhiệm kỳ thì thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội

đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần gần nhất.

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công Ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành, đồng thời phải đảm bảo có tối thiểu một (01) thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

Điều 28. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
2. Có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Công Ty. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công Ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị Công Ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.
4. Trường hợp là thành viên độc lập Hội đồng quản trị thì ngoài các tiêu chuẩn nêu trên phải đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 1.1.o Điều lệ Công ty.
5. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

1. **Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị**
 - a. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để ứng cử, đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty.
 - c. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần bầu, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
2. **Gửi hồ sơ ứng cử, đề cử**

Hồ sơ ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị và việc gửi hồ sơ ứng cử, đề cử: thực hiện theo thông báo của Công Ty trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông đó có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công Ty. Trường hợp có 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công Ty.

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 47 Điều lệ Công Ty;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công Ty và pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công Ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 32. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Trong trường hợp Công Ty tổ chức họp/lấy ý kiến bằng văn bản Đại hội đồng cổ đông về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu thành viên Hội đồng quản trị thì trong thông báo mời họp/tài liệu lấy ý kiến bằng văn bản gửi cho cổ đông phải nêu rõ nội

dung này đồng thời kèm theo các tài liệu hướng dẫn về cách thức gửi hồ sơ đề cử, ứng cử; quy định về thể lệ bầu cử để các cổ đông nắm được thông tin và thuận tiện thực hiện.

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu thành viên Hội đồng quản trị và các thông tin liên quan phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật liên quan.

Điều 33. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố thông tin tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công Ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công Ty và các bên có liên quan của Công Ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công Ty.

Công Ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Điều 34. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và có thể có một hoặc một số Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm,

miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Mục 3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 35. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định sau đây:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị phải báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác mà theo HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

Mục 4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Điều 36. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp thường kỳ:

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

2. Các cuộc họp bất thường:

Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác
- b) Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Ban kiểm soát; hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị
- d) Các trường hợp khác (nếu có).

3. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 2 Điều này phải được triệu tập trong thời hạn tối đa (07) bảy ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công Ty.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

6. Địa điểm họp:

Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công Ty hoặc những địa chỉ khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp:

Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Trong trường hợp đột xuất thì thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất một ngày. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn

bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo có thể gửi bằng giấy mời, thư, điện thoại, fax, thư điện tử, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác phù hợp quy định pháp luật.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.
Các quyết định được thông qua trong cuộc họp trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp. Biên bản họp của cuộc họp Hội đồng quản trị được tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến này được lập theo các nội dung như quy định tại Khoản 15 Điều này.
10. Đối với trường hợp lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị từ xa bằng email, bằng văn bản: ý kiến phản hồi bằng email hay văn bản (nếu trả lời bằng văn bản thì phải có chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị) phải được gửi cho bộ phận thư ký Hội đồng quản trị chậm nhất sau 03 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu hoặc theo thời hạn yêu cầu trả lời nêu tại văn bản/email lấy ý kiến. Ý kiến trả lời bằng văn

bản/email của các thành viên Hội đồng quản trị phải được tổng hợp thành biên bản kiểm phiếu, theo đó ghi rõ nội dung cần các thành viên cho ý kiến, các ý kiến trả lời gồm “tán thành/không tán thành/không có ý kiến”. Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thư ký Hội đồng quản trị.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng email/văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

11. Hình thức biểu quyết

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

Trường hợp gửi qua thư điện tử, thành viên Hội đồng quản trị sẽ gửi ảnh chụp/bản scan phiếu biểu quyết đã điền đầy đủ nội dung từ địa chỉ thư điện tử đã đăng ký với Công ty đến địa chỉ thư điện tử theo yêu cầu, quy định của Công ty, trong trường hợp này, Công ty phải thông báo lại về việc đã nhận được phiếu biểu quyết đó.

12. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Điều lệ trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có

thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

- c. Theo quy định tại điểm b khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.
13. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công Ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công Ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
14. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
15. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c. Thời gian, địa điểm họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

- i. Họ, tên, chữ ký của những người sau:
 - Có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp và người ghi biên bản họp; hoặc
 - Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất 01 thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp; Trong trường hợp này, biên bản họp Hội đồng quản trị có thể bao gồm nhiều bản ký của một hoặc một số thành viên HĐQT và các bản ký này sẽ cấu thành một (01) biên bản họp Hội đồng quản trị duy nhất; hoặc
 - Có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 15 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Trong trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thì người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công Ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công Ty và pháp luật có liên quan.
16. Căn cứ vào Biên bản họp, Hội đồng quản trị ra Nghị quyết/Quyết định/Thông báo về các nội dung đã được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp. Nghị quyết/Quyết định/Thông báo được gửi tới các đối tượng có liên quan để triển khai thực hiện. Trường hợp Nghị quyết/Quyết định thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định thì Công Ty có trách nhiệm công bố thông tin.

Điều 37. Thường trực HĐQT

1. Thường trực Hội đồng quản trị là cơ quan thường trực của Hội đồng quản trị, bao gồm một hoặc một số thành viên Hội đồng quản trị, do Hội đồng quản trị cử ra nếu xét thấy cần thiết để thay mặt Hội đồng quản trị giải quyết, quyết định một số vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị giữa hai kỳ họp và/hoặc xử lý các công việc, giao dịch theo phân quyền chi tiết của Hội đồng quản trị từng thời kỳ. Hội đồng quản trị chỉ định một trong số các thành viên Thường trực Hội đồng quản trị làm Người điều hành Thường trực Hội đồng quản trị.

2. Thường trực Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, chịu trách nhiệm cá nhân. Thường trực Hội đồng quản trị quyết định các công việc thuộc thẩm quyền của mình theo nguyên tắc:
 - a. Các quyết định của Thường trực Hội đồng quản trị thông qua theo các phương thức sau:
 - Các thành viên bàn bạc dân chủ tại cuộc họp trực tiếp; hoặc
 - Được tổ chức lấy ý kiến từ xa bằng văn bản (gửi thư/văn bản lấy ý kiến qua đường bưu điện hoặc chuyển trực tiếp, hoặc thông qua hệ thống thư điện tử (email) của Công Ty); hoặc
 - Được tổ chức họp qua điện thoại có ghi âm; hoặc
 - Các hình thức họp khác phù hợp với quy định pháp luật; hoặc
 - Tổng hợp một số phương thức trên.Nguyên tắc tổ chức họp trực tiếp, họp qua hội nghị trực tuyến hoặc lấy ý kiến từ xa bằng văn bản của Thường trực HĐQT được áp dụng tương tự như đối với trường hợp họp HĐQT theo quy định tại Điều 36 Quy chế này.
 - b. Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết. Thường trực Hội đồng quản trị quyết định theo đa số, trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì bên có phiếu biểu quyết nhất trí, tán thành của Người điều hành Thường trực Hội đồng quản trị/ thành viên được Người điều hành Thường trực Hội đồng quản trị ủy nhiệm chủ tọa phiên họp là quyết định được thông qua.
 - c. Quyết định của Thường trực Hội đồng quản trị được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến từ xa bằng văn bản/email/hội nghị trực tuyến có giá trị hiệu lực như đối với quyết định được thông qua trực tiếp tại cuộc họp Thường trực Hội đồng quản trị, với điều kiện các cuộc họp hoặc lấy ý kiến đó được tiến hành theo quy định tại các Quy chế này và Điều lệ Công Ty.
3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực Hội đồng quản trị:
 - a. Thường trực Hội đồng quản trị được thay mặt Hội đồng quản trị thường xuyên nắm tình hình hoạt động của Công Ty, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền được giao/phân cấp/ủy quyền trong hoạt động quản trị điều hành của Công Ty giữa hai kỳ họp của Hội đồng quản trị;
 - b. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Thường trực Hội đồng quản trị được quyền ra quyết định và sau đó báo cáo lại Hội đồng quản trị tình hình, kết quả thực

- hiện các nghị quyết/quyết định của Thường trực Hội đồng quản trị tại các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị;
- c. Thành viên Thường trực Hội đồng quản trị được phân công phụ trách từng lĩnh vực công tác có trách nhiệm thu thập thông tin từ các đơn vị chuyên môn để báo cáo hoặc cùng đơn vị chuyên môn báo cáo tại cuộc họp để Thường trực Hội đồng quản trị/Hội đồng quản trị ra quyết định;
 - d. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác do Hội đồng quản trị quy định từng thời kỳ.

Mục 5

Người phụ trách quản trị công ty

Điều 38. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty.
3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Người phụ trách quản trị mới thay thế.
4. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công Ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công Ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
5. Quyết định về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty phải được gửi cho các cá nhân, bộ phận có liên quan tại Công Ty và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật liên quan.

CHƯƠNG IV

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 39. Thành lập và hoạt động của tiểu ban Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và các lĩnh vực khác phù hợp với yêu cầu của Hội đồng quản trị từng thời kỳ.
2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh quy định tại Chương này để sửa đổi, bổ sung thêm các nội dung cụ thể về cơ cấu của tiểu ban; tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trường tiểu ban; trách nhiệm của tiểu ban và từng thành viên tiểu ban đó.

CHƯƠNG V

BAN KIỂM SOÁT

Điều 40. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2. Ban Kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trường hợp thành viên Ban

Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công Ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công Ty;
 - e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty;
 - f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công Ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công Ty.

- h) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công Ty.
5. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:
- a. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Điều 56 Điều lệ Công Ty.
- b. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.
6. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
7. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
- (a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- (b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- (c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
8. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
- (a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- (b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - (c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - (d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
9. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát và các thông tin liên quan khác phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
10. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:
- a) Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
 - b) Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
 - c) Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG VI

LỰA CHỌN, BỎ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 42. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.



3. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc được quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 55 Điều lệ Công Ty.

Điều 43. Các tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác

1. Tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc Công Ty phải là người đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 162 của Luật Doanh nghiệp.

2. Tiêu chuẩn của những người điều hành khác

- a) Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực;
- b) Có trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm cao trong công việc;
- c) Có khả năng đảm đương nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo, mẫn cán trong công việc;
- d) Có sức khỏe, có kiến thức về quản lý;
- e) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của Công Ty từng thời kỳ.

Điều 44. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác

1. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm Tổng Giám đốc

- a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.
- b) Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
- c) Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành hoặc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tán thành nếu lấy ý kiến bằng văn bản và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

2. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm những người điều hành khác

- a) Công Ty được tuyển dụng những người điều hành khác khi cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty tùy từng thời điểm. Những người điều hành này phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công Ty đạt được các mục tiêu đề ra.

- b) Những người điều hành khác bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- Không hoàn thành nhiệm vụ được giao;
 - Vi phạm nội quy, quy chế Công Ty;
 - Tư lợi cá nhân;
 - Có đơn xin từ chức;
 - Các trường hợp khác theo yêu cầu công việc.
- c) Thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm những người điều hành này tuân theo quy định về phân quyền và ủy quyền của Công Ty từng thời kỳ.

Điều 45. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc được chi trả theo quy định của Hợp đồng lao động, quy định nội bộ của Công Ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm của Công Ty và phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 46. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp

Quyết định về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp phải được gửi cho các cá nhân, bộ phận có liên quan tại Công Ty, công bố thông tin và gửi cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật liên quan.

CHƯƠNG VII

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 47. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc trong vấn đề triệu tập họp, thông báo kết quả họp/ngợi quyết, xin ý kiến

1. Hội đồng quản trị có thể mời Tổng Giám đốc và mời thành viên Ban kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Các khách mời có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết. Trình tự thủ tục triệu tập họp Hội đồng quản trị, thông báo mời họp, ghi biên bản cuộc họp thực hiện theo quy định tại Điều 36 Quy chế này. Nghị quyết/Quyết định Hội đồng quản trị được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc để nắm thông tin và triển khai thực hiện.

- Khi có yêu cầu của Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát như quy định tại Điều lệ và Quy chế này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Khi có yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc phải triệu tập họp Ban Tổng Giám đốc/Ban Điều hành. Trình tự thủ tục triệu tập họp Ban Tổng Giám đốc/Ban Điều hành, thông báo mời họp, ghi biên bản cuộc họp thực hiện theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Điều hành hoặc quy định nội bộ của Công Ty. Quyết định của Ban Tổng Giám đốc/Ban Điều hành được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát để báo cáo.
 3. Tùy nhu cầu và thực tiễn trong hoạt động quản trị điều hành, Hội đồng quản trị được quyền ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền phán quyết trong quản trị điều hành để phân cấp/ủy quyền cho Thường trực HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc thực hiện một số quyền hạn của Hội đồng quản trị. Do đó, đối với những vấn đề vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc lập Tờ trình xin ý kiến phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc cấp được Hội đồng quản trị phân cấp/ủy quyền.
 4. Trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị xác định các chủ trương, chính sách, định hướng, quy định làm cơ sở để Tổng Giám đốc điều hành các hoạt động kinh doanh; đồng thời phê duyệt các kế hoạch, phương án hoạt động kinh doanh, các báo cáo, đề xuất do Tổng Giám đốc đệ trình thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Hội đồng quản trị.
 5. Hội đồng quản trị thiết lập hành lang pháp lý nội bộ, tạo điều kiện và hỗ trợ để Tổng Giám đốc điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.
 6. Hội đồng quản trị có thể tham gia vào các cuộc họp giao ban hàng tháng hoặc các cuộc họp khác của Ban Tổng Giám đốc.
 7. Tổng Giám đốc có trách nhiệm điều hành các công việc theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết, ủy quyền/phân công/chỉ đạo của Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định của pháp luật. Trường hợp Tổng Giám đốc không thống nhất với Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc quyền trao đổi, bảo lưu ý kiến nhưng vẫn phải chấp hành/thực hiện ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

Điều 48. Các trường hợp Tổng giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị

Tổng Giám đốc có quyền đề nghị HĐQT triệu tập họp khi phát sinh các công việc hoặc thông tin đột xuất có thể ảnh hưởng lớn tới hoạt động của Công Ty hoặc quyền lợi của Công Ty, bao gồm nhưng không giới hạn: Tài khoản của Công Ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính Công Ty; Công Ty có các hoạt động trái qui định của pháp luật; Công Ty bị đình chỉ kinh doanh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; Có quyết định khởi tố đối với thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng/Giám đốc tài chính hoặc các chức danh tương đương khác của Công Ty; Có bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công Ty; Có kết luận của cơ quan thuế về việc Công Ty vi phạm trọng yếu về pháp luật về thuế; Công Ty có các tổn thất/tranh chấp tổn thất lớn về tài sản; phát hiện Công Ty đi chệch mục tiêu, định hướng của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị.

Điều 49. Báo cáo, kiểm điểm của Tổng Giám đốc

1. Theo định kỳ 06 tháng, hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc báo cáo kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao cũng như việc thực hiện các nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho các đối tượng này kết quả thực hiện các chỉ đạo, nội dung nghị quyết của Chủ tịch HĐQT, Thường trực HĐQT, HĐQT hoặc khi được yêu cầu.
3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Hội đồng quản trị được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian phù hợp.
4. Cách thức báo cáo, thông báo của Tổng Giám đốc cho Hội đồng quản trị:
 - a. Báo cáo trực tiếp tại các cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - b. Báo cáo bằng văn bản. Trường hợp báo cáo bằng văn bản, thời hạn báo cáo, thời hạn yêu cầu trả lời nêu tại văn bản của Hội đồng quản trị.

Điều 50. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên

1. Các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công Ty, quy chế làm việc và kế hoạch hành động chung.
2. Trường hợp khẩn cấp, các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại hoặc email đã đăng ký với Công Ty) cho Chủ tịch HĐQT hoặc TGD hoặc cả ba người để được giải quyết hiệu quả.
3. Khi phát hiện rủi ro có thể gây ảnh hưởng đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công Ty, Tổng Giám đốc phải thông báo ngay cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát biết về rủi ro này.

CHƯƠNG VIII

**ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC,
BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Điều 51. Cơ chế đánh giá hoạt động đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. Hàng năm, HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Điều hành trình báo cáo hoạt động tại Đại hội đồng cổ đông thường niên để Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
2. Căn cứ vào nhiệm vụ được phân công, kế hoạch được giao, hàng năm, thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải lập báo cáo kết quả hoạt động trong năm trình cấp có thẩm quyền xem xét, đánh giá và phê duyệt.
3. Quá trình đánh giá phải khách quan, trung thực và dựa trên các tiêu chí cần thiết và phù hợp với nhiệm vụ của từng thành viên.

Điều 52. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. Việc đánh giá sẽ được thực hiện theo quy định sau:

Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, Công Ty sẽ tổ chức đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác theo phương thức sau:

- a. Tự nhận xét đánh giá.
 - b. Cách thức khác do HĐQT/Ban kiểm soát/Tổng Giám đốc lựa chọn vào từng thời điểm.
2. HĐQT sẽ tổ chức họp để đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các cá nhân/đơn vị trực thuộc HĐQT.
 3. Ban kiểm soát sẽ tổ chức họp để đánh giá hoạt động của các thành viên Ban kiểm soát.
 4. Tổng Giám đốc sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của những người điều hành khác, phù hợp với quy định nội bộ của Công Ty từng thời kỳ.

Điều 53. Khen thưởng

Các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có thành tích trong việc quản trị, điều hành Công Ty và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của pháp luật và Công Ty.

1. Đối với HĐQT, Ban kiểm soát: ngân sách khen thưởng thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công Ty. HĐQT/Ban kiểm soát thực hiện phân bổ nguồn khen thưởng theo kết quả đánh giá như quy định tại Điều 50 Quy chế này.
2. Đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác:
Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo các quy định nội bộ của Công Ty tại từng thời điểm. Nguồn khen thưởng: được trích từ Quỹ khen thưởng Công Ty hay nguồn hợp pháp khác theo quy định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị hoặc quy định của pháp luật.

Điều 54. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Công Ty và các quy định khác có liên quan của Công Ty, thì tùy

theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và/hoặc của Công Ty.

2. HĐQT có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Tổng Giám đốc bổ nhiệm.
3. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và quy định của Công Ty từng thời kỳ.

CHƯƠNG IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 55. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. HĐQT chịu trách nhiệm đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế này khi thấy cần thiết cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công Ty, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động quản trị nội bộ của Công Ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này hoặc có những quy định tại Quy chế này trái với những quy định pháp luật hiện hành liên quan thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị nội bộ của Công Ty.

Điều 56. Hiệu lực

1. Quy chế này được sửa đổi, bổ sung tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024; Quy chế này được sửa đổi, bổ sung gần nhất theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/GE/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/03/2024 và do Chủ tịch HĐQT Công ty thay mặt Đại hội đồng cổ đông ký ban hành.
2. Trong trường hợp có bất kỳ sự mâu thuẫn nào giữa các nội dung quy định tại Điều lệ và Quy chế này, thì các quy định tại Điều lệ sẽ được ưu tiên áp dụng.
3. Trên cơ sở Quy chế này, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị ban hành các quy chế nội bộ của công ty phù hợp với thực tế tổ chức và hoạt động của

công ty để triển khai thực hiện.

4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai, thực hiện Quy chế này. ✓

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

